TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST Ngày: 04 -7-2022 *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu
- Ông Bùi Khắc Thái

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991
- ***Bị đơn:*** Anh Phan Văn T, sinh năm 1990

Cùng cư trú: Thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hiệnanh Tđang chấp hành án tại Phân trại 4, Trại giam Ninh Khánh.(Địa chỉ: Xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình).

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 02 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị vàanh Tkết hôn năm 2011, có đăng ký tại UBND xã S, huyện N. Sau khi cưới anh chị sống tại Thôn T, xã S, huyện N. Sau khi kết hôn hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về mọi mặt, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Bản thânanh Tchơi bời sa vào con đường nghiện ngập, đang phải chấp hành án tại trại giam. Nay chị xét thấy không còn tình cảm vớianh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn vớianh Tđể chị ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị vàanh Tcó 02 con chung là các cháu Phan Đức Lvà cháu Phan Hoàng Lcùng sinh ngày 25/01/2012. Hiện hai cháu đang ở với chị. Doanh Tđang chấp hành án, chị xin tiếp tục nuôi cả hai cháu và không yêu cầuanh Tcấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Phan Văn T: Mặc dù Tòa án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy báo của Tòa án nhưnganh Tvẫn không gửi ý kiến phản hồi. Tại biên bản nhận quyết định xét xửanh Tđã đồng ý với việc xét xử vắng mặt và không có ý kiến gì khác.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Th. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tuy nhiên đối với Anh Phan Văn T đang chấp hành án nên không tham gia các phiên hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt tại phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Th. Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Th và Anh Phan Văn T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Phan Đức Lvà cháu Phan Hoàng Lcùng sinh ngày 25/01/2012. Hiện hai cháu đang ở với chị Thương, cho Chị Nguyễn Thị Th tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.anh Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thương.

3. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Th và Anh Phan Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Việcanh Tsa đà vào tệ nạn xã hội phải đi chấp hành án cũng là một nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do đó có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thương vớianh Tlà có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2].Về con chung: Chị Thương vàanh Tcó 02 con chung là các cháu Phan Đức Lvà cháu Phan Hoàng Lcùng sinh ngày 25/01/2012. Hiện hai cháu đang ở với chị Thương. Nguyện vọng của chị Thương xin tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầuanh Tcấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị Thương khỏe mạnh, có thu nhập, cháu Phan Đức Lvà cháu Phan Hoàng Lcó nguyện vọng muốn được ở với mẹ và ông bà ngoại. Mặt khác doanh Tđang chấp hành án không thể nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của các cháu, đảm bảo quy định của pháp luật nên giao cả hai cháu Phan Đức Lvà cháu Phan Hoàng Lcho chị Thương tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Thương không có yêu cầu vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Th. Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Th và Anh Phan Văn T.

2.Về con chung: Giao các cháu Phan Đức Lvà cháu Phan Hoàng Lcùng sinh ngày 25/01/2012. Hiện hai cháu đang ở với chị Thương, cho Chị Nguyễn Thị Th tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.anh Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Thương.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Nguyễn Thị Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003521 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th và Anh Phan Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã S*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH